

- Anh Cao Văn T trình bày: Về hôn nhân chị Nguyễn Thị Nh trình bày là đúng, anh thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn cãi vã nhau và đã sống ly thân. Nay anh không đồng ý ly hôn, nếu ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Nh về việc xin ly hôn với anh Cao Văn T là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với anh Cao Văn T, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Tới vắng mặt không lý do. Đối với chị Nguyễn Thị Nh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Cao Văn T và chị Nguyễn Thị Nh theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Nh và anh Cao Văn T tự nguyện tìm hiểu rồi kết hôn với nhau vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã B Bắc, huyện C, tỉnh Cà Mau, nên được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng. Thời gian đầu, vợ chồng sống rất hạnh phúc nhưng thời gian sau vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cự cãi nhau do bất đồng quan điểm, không hòa thuận và đã sống ly thân. Xét thấy, chị Nguyễn Thị Nh và anh Cao Văn T phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân nhưng trong thời gian này anh, chị vẫn không hàn gắn, đoàn tụ được với nhau, làm cho mâu thuẫn ngày thêm trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Nh về việc ly hôn với anh Cao Văn T.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Nh và anh Cao Văn T có 02 con chung tên Cao Tố Q- sinh ngày 16/11/2006 (giới tính Nữ) và Cao Tố M- sinh ngày 27/10/2010 (giới tính Nữ) do anh Cao Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Khi ly hôn chị Nhiên đồng ý giao các con cho anh Cao Văn T nuôi dưỡng và được anh Cao Văn T đồng ý. Do đó, cần giao cho anh Cao Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị Nhiên tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi người con một tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét thấy, việc tự nguyện của chị Nhiên không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần ghi nhận.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chị Nguyễn Thị Nh phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Nh được ly hôn với anh Cao Văn T.

2. Về con chung: Giao cho anh Cao Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Cao Tố Q- sinh ngày 16/11/2006 (giới tính Nữ) và Cao Tố M- sinh ngày 27/10/2010 (giới tính Nữ). Chị Nguyễn Thị Nh có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Nh về việc cấp dưỡng nuôi con chung tên Cao Tố Q và Cao Tố M mỗi tháng mỗi người con là 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, cấp dưỡng theo từng tháng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong khoản tiền phải thanh toán thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

4. Án phí hôn nhân và gia đình chị Nguyễn Thị Nh phải chịu 300.000 đồng, ngày 13/10/2022 chị Nguyễn Thị Nh đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo lai số: 0005494 được chuyển thu.

5. Án phí cấp dưỡng chị Nguyễn Thị Nh phải chịu 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án sơ thẩm các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CCTHADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã B, huyện C, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VP.

(đã ký)

Hồ Minh Tấn

